

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN

(Kèm theo Công văn số 15861 /BTC-KBNN ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục các văn bản
1	Luật Ngân sách Nhà nước
1	Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN
2	Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/09/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm
3	Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.
4	Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/07/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước
5	Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm
6	Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài
7	Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc
8	Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2018
9	Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;
10	Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước
11	Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/09/2018 của Chính phủ về sửa

STT	Danh mục các văn bản
	đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/ NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016...
12	Nghị định số 132/2018/NĐ-CP 01/10/2018 của Chính phủ
13	Các văn bản khác liên quan đến công tác khóa sổ NSNN năm 2018

Phụ lục 02
DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Công văn số 15861 /BTC-KBNN ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính)

STT	Mẫu biểu số	Tên mẫu biểu
1	01/BC-TGDT	Báo cáo tổng hợp tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp được chuyển sang năm sau (không phải xét) thuộc ngân sách TW (tỉnh, huyện) niên độ...
2	02/ĐC-VDT	Bảng xác nhận tình hình sử dụng vốn đầu tư năm...
3	03/ĐC- CQTC	Bảng đối chiếu số liệu cơ quan tài chính
4	04/TH-TGNH	Bảng tổng hợp số liệu tài khoản tiền gửi ngân hàng năm...
5	05A.B/ĐC-QTV	Bảng đối chiếu số liệu các tài khoản thuộc phạm vi quyết toán vốn
6	06/ĐC-BSNS	Bảng đối chiếu số liệu Bổ sung cân đối NSNN
7	Mẫu biểu số 58	Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp
8	Mẫu biểu số 59	Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp theo hình thức rút dự toán
9	M-02/KB/KT	Bản xác nhận số dư tài khoản tiền gửi của KBNN với ngân hàng
10	B7-10a.b/KB/TABMIS	Báo cáo đối chiếu số liệu thanh toán – Kế toán Liên kho bạc

KHO BẠC NHÀ NƯỚC:.....

Mẫu biểu số 01/BC-TGDT

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP
ĐƯỢC CHUYỂN SANG NĂM SAU (KHÔNG PHẢI XÉT) THUỘC NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NIÊN ĐỘ 2018**

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Chương	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số tiền
1	2	3	4	5	6	7
A	Đơn vị dự toán cấp I					
1	Kinh phí thường xuyên					
	Kinh phí khoán, tự chủ					
	Kinh phí không tự chủ					
2	Kinh phí chương trình mục tiêu					
	...					
B	Đơn vị dự toán cấp I					
1	Kinh phí thường xuyên					
	...					
C	Đơn vị dự toán cấp I					
	...					

....., ngày tháng năm

Chuyên viên KSC

Phụ trách KSC

Giám đốc KBNN

Ghi chú:

- Căn cứ kết quả rà soát, xác nhận số kinh phí trên tài khoản 3711, 3731, 3741, 3761 và 3771 năm 2018 được chuyển nguồn sang năm 2019
 - KBNN cấp huyện tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I: Đơn vị cấp I thuộc ngân sách cấp trên: tổng hợp theo cấp ngân sách, gửi KBNN cấp tỉnh.
 - KBNN cấp tỉnh tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I: Đơn vị cấp I thuộc NSTW: gửi KBNN (Cục Kế toán nhà nước)
 - Sở Giao dịch: tổng hợp theo đơn vị dự toán cấp I gửi Cục Kế toán nhà nước
- Đối với KBNN quận huyện không tổ chức phòng, bỏ trống phần ký chức danh Phụ trách KSC

2	Số liệu của Kho bạc nhà nước nơi giao dịch:																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn ngoài nước																			
3	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn ngoài nước																			

Ghi chú:

- Cột số 4 "Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước" không bao gồm số vốn đã thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ứng trước

- Cột số 7 "Kế hoạch vốn được kéo dài": đề nghị chỉ ghi phần vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm 20...

.... ngày ... tháng ... năm 20...
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

... ngày ... tháng ... năm 20...
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Mẫu biểu số 04/TH-TGNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC GIAO DỊCH:

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Năm

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên đơn vị	Số hiệu TK	Số dư đầu kỳ	Doanh số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
				Nợ	Có	
I	Tại NH Nhà nước					
	KBNN					
	KBNN					
II	Tại NH Thương mại NH					
	Ngân hàng Nno&PTNT					
	KBNN					
1	KBNN					
	KBNN					
	KBNN					
2	Ngân hàng Công thương					
	KBNN					
	KBNN					
3	Ngân hàng đầu tư PT					
	KBNN					
	KBNN					
	Tổng cộng					

Ghi chú: (Giải thích chênh lệch, các vấn đề liên quan)

....., ngày, tháng, năm

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc KBNN

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CQTC

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã TKKT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Số tiền

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN
Giữa Kho bạc Nhà nước và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3814			3817				
USD			USD				
...			...				
3815			3818				
3862			3882				
VND			VND				
USD			USD				
EUR			EUR				
...			...				
3863			3883				
VND			VND				
USD			USD				
...			...				
3865			3885				
...			...				
3866			3886				
...			...				

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN và KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ.

Ngày lập:

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU CÁC TÀI KHOẢN THUỘC PHẠM VI QUYẾT TOÁN VỐN KBNN
Giữa KBNN và KBNN

Đơn vị: đồng

SHTK	Số dư đến 31/12		Số liệu chỉnh lý				
			SHTK	Doanh số phát sinh		Số dư	
	Nợ	Có		Nợ	Có	Nợ	Có
1	4	5	6	7	8	9	10
3862			3882				
VND			VND				
USD			USD				
EUR			EUR				
...			...				
3863			3883				
...			...				
3865			3885				
...			...				
3866			3886				
...			...				
3825			3828				
...			...				
3852			3872				
...			...				
3853			3873				
...			...				
3855			3875				
...			...				
3856			3876				
...			...				

Kế toán

Kế toán trưởng

....., ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc KBNN

Ghi chú: Biểu này dùng để đối chiếu số liệu giữa KBNN tỉnh và KBNN quận, huyện trực thuộc.

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NIÊN ĐỘ

Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

STT	Nội dung	Số chi NS cấp trên bổ sung cho NS cấp dưới	Trong đó		Số thu NS cấp dưới	Trong đó		Chênh lệch	Nguyên nhân
			Số chi NS cấp trên theo hình thức GTGC (Căn cứ trên số liệu ghi chi do KBNN cấp trên cung cấp)	Số chi NS cấp trên theo hình thức dự toán tại tỉnh		Số thu NS cấp dưới theo hình thức rút dự toán	Số thu NS cấp dưới theo hình thức GTGC		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(3)-(6)	(10)
I	Số vốn ứng trước bổ sung NS								
	TM....								
	TM....								
II	Số vốn giao trong năm (Bổ sung, điều chỉnh)								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								
	TM								

..., ngày...tháng... năm...

KBNN cấp dưới

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

..., ngày...tháng... năm...

CQTC đồng cấp xác nhận

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Quy trình đối chiếu số liệu

1. Đối với NSTW

- KBNN tỉnh phối hợp Sở Tài chính rà soát, đối chiếu, thực hiện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại tỉnh và số chi NSTW (bao gồm cả GTGC).

- Sở Tài chính căn cứ số liệu do KBNN tỉnh cung cấp thực hiện đối chiếu, tổng hợp các số liệu gửi Vụ NSNN, Cục Quản lý Nợ và TCDN kèm thuyết minh (nếu có).

- Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại căn cứ văn bản do Sở Tài chính gửi xem xét, giải quyết kịp thời những vướng mắc theo đúng quy trình.

- Vụ KTNN căn cứ số liệu báo cáo do KBNN tỉnh gửi thực hiện tổng hợp số liệu toàn quốc gửi Vụ NSNN, Cục Quản lý nợ và TCDN.

2. Đối với NS địa phương

- VP KBNN tỉnh lập báo cáo chi NS tỉnh bổ sung NS huyện chi tiết theo từng huyện gửi KBNN huyện qua thư điện tử.

- KBNN quận, huyện tổng hợp số liệu thu-chi NS theo hình thức rút dự toán tại KBNN huyện và số rút dự toán chi chuyển giao theo hình thức GTGC lập biểu đối chiếu số liệu gửi Phòng Tài chính huyện và KBNN tỉnh.

- VP KBNN tỉnh căn cứ số báo cáo do KBNN huyện gửi, thực hiện tổng hợp số liệu toàn tỉnh gửi Sở Tài chính.

ĐƠN VỊ....., MÃ SỐ:.....
 MÃ CHƯƠNG:.....
 MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

Mẫu biểu số 58

SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP NĂM CHUYỂN SANG NĂM
(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
A	B	1	2	3	4
1	Kinh phí thường xuyên ⁽²⁾				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...				
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)				
				

Ghi chú:

- (1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;
- (2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 4)

....., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:.....

Mẫu biểu số 59

MÃ CHƯƠNG:....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:....

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN NĂM... CHUYỂN SANG NĂM

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị: Đồng

TT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau		
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang ⁽²⁾	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh ⁽³⁾		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi
	2	3	4	5= 6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11	
	CHI THƯỜNG XUYÊN⁽⁴⁾										
	- Kinh phí được giao tự chủ										
	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm										
										
	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)										
	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽⁵⁾										
	Dự án A										
										

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số của các chỉ tiêu ở cột số 5, 9, 10, 11)

....., ngày ... tháng ... năm
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN CỦA KBNN VỚI NGÂN HÀNG.....

Tháng: ...năm....

Năm:

Kho bạc Nhà nước:

Số tài khoản:

Địa chỉ

Tại Ngân hàng:

Đề nghị Ngân hàng - chi nhánh xác nhận số liệu tài khoản của KBNN..... tại Ngân hàng như sau:

Đơn vị tính: đồng

Diễn giải	Số liệu tại KBNN	Số liệu tại NHTM	Chênh lệch	Nguyên nhân
1. Số hiệu TK.....				
Số dư đầu kỳ			-	
Phát sinh tăng trong kỳ			-	
Phát sinh giảm trong kỳ			-	
Số dư cuối kỳ			-	
2. Số hiệu TK.....				

....., ngày tháng năm 201

Xác nhận của Ngân hàng.....

Kế toán trưởng

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm 201

Xác nhận của KBNN

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN – KẾ TOÁN LIÊN KHO BẠC

Ngày lập:....

Từ ngày thanh toán... Đến ngày thanh toán...

Loại tiền:

STT	Loại tiền	Số liệu thanh toán				Số liệu kế toán				Chênh lệch				
		TK LKB đi		TK LKB đến		TK LKB đi		TK LKB đến		TK LKB đi		TK LKB đến		
		Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=3-7	12=4-8	13=5-9	14=6-10	
I. Thanh toán nội tỉnh														
1 Lệnh chuyển nợ														
	VND													
	AUD													
	...													
2 Lệnh chuyển Có														
	VND													
	AUD													
	...													
II. Thanh toán ngoại tỉnh														
1 Lệnh chuyển nợ														
	VND													
	AUD													
	...													
2 Lệnh chuyển Có														
	VND													
	AUD													
	...													

* Thuyết minh chênh lệch (nếu có):

NGƯỜI LẬP

KIỂM SOÁT

NgàyTháng năm.....

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN – KẾ TOÁN LIÊN KHO BẠC

Ngày lập:....

Từ ngày thanh toán...

Đến ngày thanh toán...

Loại tiền....

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lệnh thanh toán	Số liệu thanh toán		Số liệu kế toán		Chênh lệch	
		TK LKB đi	TK LKB đến	TK LKB đi	TK LKB đến	TK LKB đi	TK LKB đến
1	2	3	4	5	6	7=3-5	8=4-6
I.	Thanh toán nội tỉnh						
1	Lệnh chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						
II.	Thanh toán ngoại tỉnh						
1	Lệnh Chuyển Nợ						
2	Lệnh chuyển Có						

* Thuyết minh chênh lệch (nếu có):

NGƯỜI LẬP

KIỂM SOÁT

Ngày Tháng năm.....

GIÁM ĐỐC